| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN YÊN LẠC**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2021
*V/v tranh chấp: "Ly hôn, con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC -TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Duy Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Huân và ông Hoàng Thành Nam

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà***: Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 123/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1996. Có mặt

HKTT: Thôn Ng, xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Thôn Z, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai

- Bị đơn: Anh Trần Hùng Phú, sinh năm 1986. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Hùng Ph kết hôn ngày 29/6/2017, có đăng kí kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn chị về làm dâu ở nhà anh Ph. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc thường xảy ra cãi nhau thậm chí cả xô xát. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ph có người khác, không quan tâm gì đến chị, từ đó dẫn đến xảy ra nhiều mâu thuẫn

khác. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 4 năm 2020, nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng mâu thuẫn vẫn không giải quyết được.

Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hùng Ph.

Về con chung: Chị và anh Ph có 02 con chung là cháu Q, sinh ngày 21/01/2018 và cháu A, sinh ngày 04/9/2019, hiện cháu Q đang ở cùng anh Ph và bà nội, cháu A đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị giải quyết để chị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu, chị không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang bán hàng thịt tại thị trấn S, thu nhập trung bình của chị là khoảng 10.000.000đ/1 tháng nên chị đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu.

Về tài sản và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Hùng Ph trình bày: Anh Ph xác định qúa trình anh và chị H kết hôn và chung sống như chị H trình bày là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Do hai vợ chồng tính cách không hòa hợp nhau, chị H không có sự tôn trọng anh và mẹ anh dẫn đến thường xuyên xảy ra to tiếng. Anh và chị H sống ly thân từ khoảng tháng 4 năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên gia đình cũng đã khuyên giải nhưng mâu thuẫn vẫn không giải quyết được, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vì vậy, chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không giải quyết được.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Q, sinh ngày 21/01/2018 và cháu A, sinh ngày 04/9/2019, cháu Q đang ở cùng anh, cháu A đang ở cùng chị Hiền. Ly hôn anh đề nghị giải quyết để anh nuôi cháu Q, chị H nuôi cháu A, không ai phải đóng góp nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề cắt tóc và bán mỹ phẩm thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đồng/1 tháng nên anh đủ khả năng để nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Q.

Về tài sản và công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xác minh tại UBND xã Đ thể hiện: Anh Ph và chị H có đăng kí kết hôn tại UBND xã, quá trình sinh sống tại địa phương giữa anh chị có mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương cũng không được biết, đến khoảng tháng 4/2020 thì chị H không còn sinh sống cùng với anh Ph tại địa phương nữa. Chị H và anh Ph có hai người con chung là cháu Q và cháu A. Anh Ph hiện làm nghề cắt tóc nhưng thỉnh thoảng anh mới làm, ngoài ra anh Ph còn đi làm thợ xây. Sau khi chị H bỏ đi khỏi địa phương thì cháu Q ở cùng với anh Ph và bà Nguyễn Thị X là mẹ đẻ

của anh Ph, hiện tại cháu Q được bà X và anh Ph cho học mẫu giáo tại trường mầm non tư thục Mai Vàng.

Xác minh tại trường mầm non Mai Vàng thể hiện: Cháu Q được gia đình gửi đi học tại trường từ tháng 7 năm 2020. Quá trình học tập tại trường cháu Q phát triển tốt, ngoan ngoãn. Chi phí học tập tại trường của cháu là 918.000đồng. Nhà trường thấy cháu Q được bố cháu và bà nội của cháu chăm sóc chu đáo, tận tình.

Lời khai của bà Nguyễn Thị X thể hiện: Bà có tổ chức hôn lễ cho anh Trần Hùng Ph và chị Nguyễn Thị H. Sau khi kết hôn, chị H về làm dâu và chung sống cùng với bà. Đến tháng 4 năm 2020, chị H và anh Ph xảy ra mâu thuẫn nên chị H về thị trấn Yên Lạc ở nhà chú, rồi quay về nhà bố mẹ đẻ chị ở thị trấn S. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh Ph cụ thể như thế nào thì bà cũng không được biết, chị H cũng không nói gì với bà. Đến nay, chị H xin ly hôn anh Ph, bà không có ý kiến gì. Hiện nay cháu Q đang được bà và anh Ph chăm sóc nên bà đề nghị để anh Ph tiếp tục nuôi dưỡng cháu Qu, cháu A còn nhỏ nên để chị H nuôi dưỡng.

Xác minh tại UBND thị trấn S thể hiện: Chị H hiện đang sinh sống tại thôn Z, thị trấn S, hiện chị H có quầy bán thịt, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đồng/1 tháng. Với thu nhập của chị H thì hiện nay đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng hai con nhỏ tại địa phương.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Hùng Ph; Về con chung: Giao cháu Q, sinh ngày 21/01/2018 cho anh Trần Hùng Ph, giao cháu A, sinh ngày 04/9/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình theo quy định

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án hôn nhân, hiện anh Ph đang sinh sống tại xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung:*

*Về quan hệ tình cảm vợ chồng*: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Hùng Ph được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 29/6/2017. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị H, anh Ph là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh Ph đều xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung nên anh chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Ph và chị H có hai con chung là cháu Q, sinh ngày 21/01/2018 và cháu A, sinh ngày 04/9/2019. Khi ly thân chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A, còn cháu Q đang ở cùng anh Ph và bà nội. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu, không yêu cầu anh Ph phải đóng góp nuôi con. Anh Ph đề nghị giải quyết để anh nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Q, chị H nuôi dưỡng và chăm sóc cháu A, anh không yêu cầu chị H đóng góp nuôi con. Qua xác minh thể hiện: Hiện nay chị H đang làm nghề buôn bán có thu nhập ổn định, anh Ph cũng có công việc và có thu nhập, bà nội của cháu Q cũng hỗ trợ anh Ph trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Q. Từ khi chị H và anh Ph ly thân thì cháu Q vẫn được anh Ph cho đi học mẫu giáo và phát triển tốt.

Do vậy để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho các cháu, tránh sự xáo trộn cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu A, anh Ph tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Q. Anh Ph và chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Chị H, anh Ph đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Về án phí*: Chị H xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

*1. Về quan hệ vợ chồng:* Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Hùng Ph.

*2. Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu A, sinh ngày 04/9/2019, anh Trần Hùng Ph tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Q, sinh ngày 21/01/2018. Anh Ph và chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở.

*3. Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0005833 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị H đã thực hiện xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Hùng Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Hưng**